

# ĐẶC ĐIỂM CỦA TIẾNG ANH GIAO TIẾP: NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG DẠY TIẾNG ANH CHO CÁC LỚP KHÔNG CHUYÊN NGỮ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Lê Thị Hằng

*Tóm tắt.* Trong báo cáo này, tác giả phân tích, tổng hợp các nguồn tài liệu tương đối mới để rút ra các đặc điểm tiếng Anh giao tiếp và để hiểu rõ hơn bản chất của việc dạy ngôn ngữ giao tiếp. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các nhóm giải pháp nhằm ứng dụng dạy tiếng Anh giao tiếp viết cho sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Quảng Bình. Sau khi tiến hành giảng dạy thực nghiệm, các kết quả khảo sát cho thấy có thể ứng dụng một cách phù hợp dạy tiếng Anh giao tiếp viết nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh cho sinh viên đại học không chuyên ngữ.

*Từ khóa:* tiếng Anh giao tiếp, dạy ngôn ngữ giao tiếp, đường hướng giao tiếp

## 1. MỞ ĐẦU

Các nghiên cứu liên quan đến đặc điểm của tiếng Anh giao tiếp và việc ứng dụng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ theo đường hướng giao tiếp xuất hiện từ những năm 1960, thể hiện qua những thay đổi cách dạy theo tình huống truyền thống ở Anh, tương tự như thế, ở Mỹ phương pháp nghe – nói không còn được sử dụng nhiều giữa những năm 1960. Vào khoảng thời gian này, các nhà ngôn ngữ học ứng dụng Anh bắt đầu đặt câu hỏi về tính hiệu quả của việc dạy ngôn ngữ dựa trên tình huống. Điều này phản ánh một phần những phê phán của nhà ngôn ngữ học Mỹ Noam Chomsky trong cuốn sách “*Các cấu trúc cú pháp*” của ông [dẫn theo 5]. Trong đó, ông nói rằng các thuyết cấu trúc ngôn ngữ hiện tại không thể giải thích được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ đó là tính sáng tạo và tính duy nhất của các câu riêng lẻ. Vì vậy, các nhà ngôn ngữ học ứng dụng Anh bắt đầu chú tâm đến hai khía cạnh khác của ngôn ngữ đó là khía cạnh chức năng và giao tiếp. Họ nhận thấy rằng cần tập trung vào việc dạy ngôn ngữ để đạt sự thành thạo trong giao tiếp chứ không phải dạy để nắm vững các cấu trúc ngữ pháp. Nhiều học giả ủng hộ quan điểm này và do vậy đã xuất hiện những nghiên cứu sâu hơn của các nhà ngôn ngữ học chức năng Anh.

Còn ở Mỹ, việc nghiên cứu cũng tập trung vào khía cạnh ngôn ngữ học xã hội. Trong đó phải kể đến một ấn phẩm đặc biệt của Gumperz và Dell Hymes xuất bản năm 1964 [dẫn theo 4] có tựa đề “*Khảo tả dân tộc học về giao tiếp*” gồm những bài báo của các học giả hàng đầu trong các lĩnh vực dân tộc học, xã hội học, ngôn ngữ học, triết học, tâm lý học nói về các vấn đề xã hội cơ bản của giao tiếp bằng lời nói. Ấn phẩm này đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả và là cầu nối cho ý tưởng nghiên cứu ngôn ngữ như một phương tiện giao tiếp của một cộng đồng văn hoá - xã hội. Theo Hymes, ngữ năng cho chúng ta biết một câu có đúng ngữ pháp hay không, còn ngữ năng giao tiếp cho chúng ta biết một phát ngôn có phù hợp hay không trong một ngữ cảnh nhất định. Vì vậy, muốn giao tiếp tốt bằng ngoại ngữ cần nghiên cứu các kiến thức mà con người cần có được để giao tiếp. Theo đề xuất của ông, nhiều học giả đã nghiên cứu để tìm ra các thành

tổ tạo thành ngữ năng giao tiếp. Năm 1983, Michael Canale and Merrill Swain xác định ngữ năng giao tiếp gồm 4 thành tố cơ bản phụ thuộc lẫn nhau là năng lực ngữ pháp, năng lực diễn ngôn, năng lực văn hoá - xã hội và năng lực chiến lược. Sau đó, vào năm 1990, Lyle Bachman đã phát triển bổ sung thêm các thành tố tạo thành ngữ năng giao tiếp trong sử dụng gồm kiến thức về thế giới, cơ chế tâm - sinh lý trong một bối cảnh ngữ huống. Ngoài ra, Hymes còn đề xuất mô hình 8 thành tố chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ một cách tự nhiên, phù hợp với ngữ cảnh văn hóa - xã hội. Mô hình này cùng với thuật ngữ *ngữ năng giao tiếp* và *ngữ thi giao tiếp* đã mở ra một cách nhìn mới trong việc dạy - học ngoại ngữ và nó đã được phát triển rộng khắp thế giới. *Ngữ năng giao tiếp* (communicative competence) là kiến thức ngôn ngữ giao tiếp (NNGT) của một người, ngữ năng giao tiếp chỉ được biểu hiện trong thực tiễn thông qua *ngữ thi giao tiếp* (communicative performance) với các kênh tiếp nhận và sản sinh ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết. Thông qua *ngữ thi*, ngữ năng giao tiếp mới được phát triển, duy trì và được đánh giá.

Cho đến nay, xu hướng dạy NNGT đã được phát triển nhiều chiều và được ứng dụng rộng khắp thế giới, đem lại hiệu quả giáo dục và đào tạo cao. Tuy nhiên, không có một mô hình cụ thể nào được áp dụng cho tất cả các đối tượng và môi trường đào tạo, cũng chưa có các nghiên cứu nào để hiểu rõ bản chất của việc dạy NNGT và cách thức để ứng dụng đường hướng dạy - học này vào dạy tiếng Anh đại học không chuyên ngữ tại Việt Nam. Đó chính là những lý do cơ bản để tác giả chọn vấn đề *Đặc điểm của tiếng Anh giao tiếp: Nghiên cứu ứng dụng dạy tiếng Anh cho các lớp không chuyên ngữ tại Trường Đại học Quảng Bình* làm đề tài luận án.

## **2. ĐẶC ĐIỂM CỦA TIẾNG ANH GIAO TIẾP**

### **2.1. Một số khái niệm cơ bản**

- Giao tiếp (communication): là quá trình sử dụng các mã để trao đổi và thương lượng nghĩa.
- Nhập mã (encoding): là tiến trình sử dụng các tín hiệu ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để chuyển các ý tưởng trong đầu chúng ta thành những thông điệp.
- Giải mã (decoding): là tiến trình chúng ta nhận thông điệp từ người khác và giải nghĩa của chúng.
- Mã (code): các từ, ngữ, chữ số hoặc các biểu tượng được nối với nhau thành hệ thống các quy tắc chung của cộng đồng sử dụng.
- Phương tiện (medium): là phương tiện vật chất được con người sử dụng để truyền các thông điệp cho nhau. Giọng nói, cử động của cơ thể, các phương tiện kỹ thuật và điện tử như điện thoại, loa, báo, sách, ảnh, tivi đều là phương tiện giao tiếp.
- Kênh (channel): là con đường mà thông điệp sẽ được truyền đến người nhận. Các sóng ánh sáng, sóng radio mang giọng nói của người gửi đến người nghe gọi là kênh giao tiếp. 5 giác quan con người gồm khứu giác, vị giác, thính giác, trực giác, cảm giác đều là kênh giao tiếp.
- Phản hồi (feedback): là phản ứng của các thành viên tham gia truyền tới nhau. Phản hồi có thể là thông điệp không lời hoặc có lời.

- Trường trải nghiệm (field of experience): Mỗi con người là sản phẩm được xây dựng bởi các điều kiện sống và nền tảng giáo dục, các niềm tin, các giá trị, văn hóa, các trải nghiệm trong quá khứ, các thái độ, kiến thức, nghề nghiệp, tôn giáo, giới tính và các nghĩa đã được học vừa như một cá thể vừa như một phần của cộng đồng sử dụng chung hệ thống mã. Tất cả các yếu tố này tạo thành trường trải nghiệm của mỗi người còn gọi là khung tham chiếu nghĩa (frame of reference to meaning) vì vậy trường trải nghiệm ảnh hưởng đến cách chúng ta tạo mã và giải mã.

- Văn hóa (culture): là nền tảng chung (ví dụ như của một quốc gia, một dân tộc, một tôn giáo) có được từ việc sử dụng một ngôn ngữ, văn hóa thể hiện qua phong cách giao tiếp, các thói quen-tập tục, các niềm tin, thái độ và các giá trị.

- Nhiễu (noise): Bất kì tác nhân kích thích nào tham gia vào tiến trình truyền và nhận thông điệp làm cho nghĩa của nó không được hiểu rõ tạo nên rào cản giữa những người tham gia giao tiếp.

- Nghĩa (meaning): là một sản phẩm được tạo ra từ kết quả của cuộc giao tiếp. Nói cách khác hành động giao tiếp sẽ tạo ra nghĩa.

- Giao tiếp liên nhân (interpersonal communication): là tiến trình trao đổi qua lại các thông điệp giữa hai người để sáng tạo và duy trì một nghĩa được hiểu chung (shared meaning).

- Ngữ cảnh (context): là môi trường, địa điểm hoặc các điều kiện nơi cuộc giao tiếp diễn ra bao gồm cả yếu tố ngữ cảnh văn hóa nơi giao tiếp diễn ra như các niềm tin, các giá trị, thái độ, nghĩa, cấu trúc xã hội, tôn giáo, các ý niệm về thời gian, các vai trò vị thế của một nhóm người.

- Các kỹ năng giao tiếp (communication skills): là khả năng sử dụng các thành tố tạo nên thành công cho mục đích của cuộc giao tiếp thể hiện qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và kỹ năng suy luận.

- Các hệ thống xã hội (social systems)/ngữ cảnh xã hội: gồm những thứ cả hai người tham gia giao tiếp cùng chia sẻ (ví dụ, việc sống chung trong một khuôn viên đại học, một thị trấn, một nơi làm việc, một tôn giáo, một nhóm xã hội hoặc một nền văn hóa) và các hệ thống riêng của mỗi người (như gia đình, tổ chức tôn giáo, bạn bè).

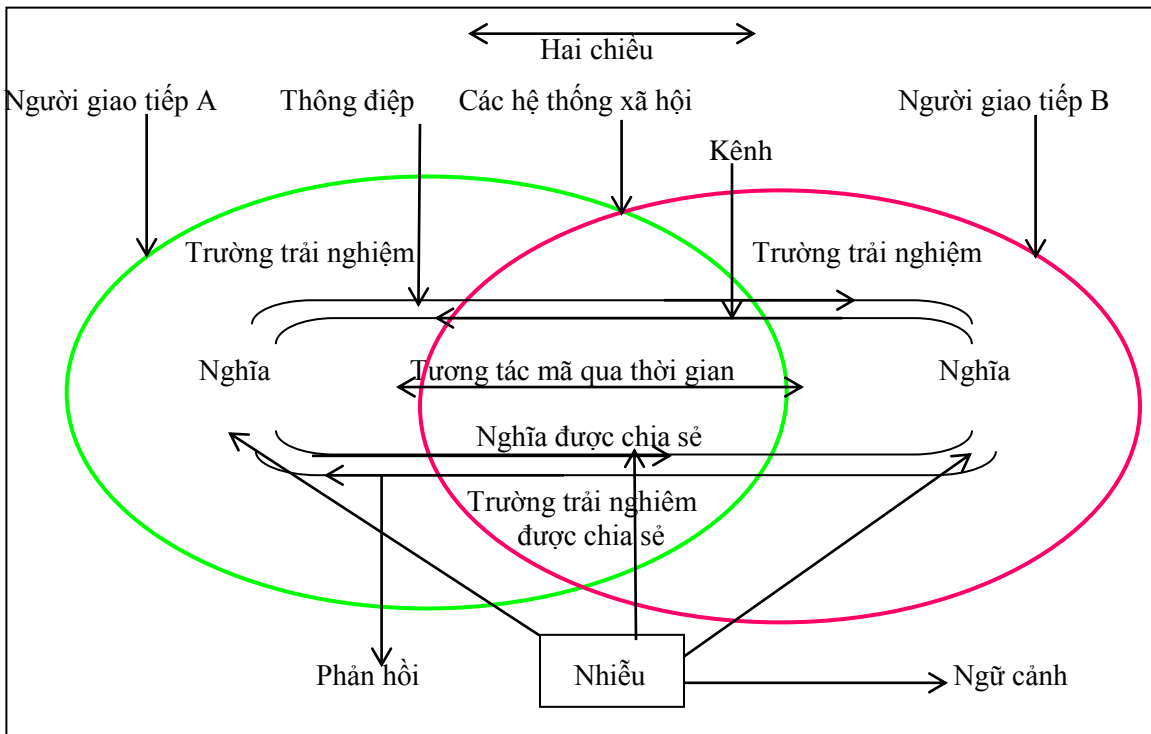
- Kiến thức (knowledge): hành vi giao tiếp của chúng ta cũng bị ảnh hưởng bởi các kiến thức, các thái độ, hiểu biết về chủ đề, khả năng tạo mã và cách chúng ta sử dụng các kênh giao tiếp.

- Thái độ (attitudes): các quan điểm, nhận thức về chính mình, về chủ đề và về đối tác tham gia giao tiếp.

## **2.2. Mô hình tiến trình giao tiếp tương hỗ**

Để hiểu rõ các đặc điểm tiếng Anh giao tiếp, chúng ta cần phải xét chúng trong ngữ cảnh của lý thuyết giao tiếp. Trong đó, mô hình giao tiếp tương hỗ đã phản ánh một bức tranh tương đối hoàn thiện về các thành tố tham gia và tác động tiến trình giao tiếp. Dựa trên quan điểm của Barnlund (1970) và một số mô hình giao tiếp đã được thiết kế trước đây, tác giả luận án đã thiết kế mô hình giao tiếp tương hỗ như được minh họa ở Hình 1 dưới đây. Nhìn vào Hình 1 ta có thể thấy những người tham gia giao tiếp không đơn thuần gửi và nhận nghĩa từ người này đến người kia rồi phản

hồi trở lại cho nhau mà đúng hơn, họ đang xây dựng một nghĩa chung thông qua tiến trình diễn này. Nghĩa được hiểu chung (được chia sẻ) nằm ở vùng hai hình ô-van giao nhau. Mô hình giao tiếp tương hỗ nêu bật tính liên nhân của giao tiếp, các thành viên tham gia phụ thuộc lẫn nhau trong quá trình tương tác, thương lượng nghĩa. Những người tham gia càng có nhiều điểm chung, tiến trình giao tiếp giữa họ càng trở nên dễ dàng, hiệu quả. Những khác biệt của trường trải nghiệm sẽ được thu hẹp khi tiến trình giao tiếp diễn ra.



**Hình 1.** Tiến trình giao tiếp tương hỗ được tác giả luận án mô hình hóa từ quan điểm của Barnlund (1970) .

Để giao tiếp thành công, các bên tham gia không chỉ phải cùng nắm vững các quy ước trong sử dụng mã mà còn phải cùng nắm vững các vấn đề khác ảnh hưởng đến kết quả của cuộc giao tiếp, ví dụ như các tín hiệu phi ngôn ngữ, ngữ cảnh văn hóa - xã hội, nhiều, phong cách và sở thích của các bên tham gia.

## 2.3. Đặc điểm của tiếng Anh giao tiếp

### 2.3.1. Đặc điểm chính

Như tất cả các ngôn ngữ khác, tiếng Anh giao tiếp có sáu đặc điểm cơ bản sau: *tính võ đoán, cấu trúc hai bậc, tính dịch chuyển, sức sinh sản, tính chuyên giao văn hoá, tính phân lập*. Các đặc điểm về *cấu trúc hai bậc, tính dịch chuyển, sức sinh sản, tính phân lập* khiến người học phải sử dụng tiếng Anh một cách linh hoạt và sáng tạo. Một nghĩa có thể được diễn đạt bằng nhiều hình thái ngôn ngữ khác nhau và một từ có thể kết hợp với các từ khác theo những cách

khác nhau để diễn đạt các nghĩa khác nhau. *Tính dịch chuyển* giúp con người có thể sử dụng ngôn ngữ mang ‘chức năng thơ’ như các hình thức tu từ để ám chỉ một nghĩa tiềm ẩn khác. *Sức sinh sản* và *tính phân lập* sẽ giúp người sử dụng có thể diễn đạt và hiểu được nghĩa những câu chưa từng nghe trước đó nhờ nghĩa ngữ pháp và khả năng suy luận. Vì vậy, người học cần nắm các quy ước chung trong sử dụng mã như các quy tắc từ vựng, cú pháp, ngữ dụng, ngữ nghĩa, ngữ âm. Các đặc điểm *tính vô đoán* và *tính chuyển giao văn hoá* buộc người học phải học để hiểu các đặc điểm văn hóa của cộng đồng đích như các quy ước, thói quen - tập tục, các niềm tin, thái độ và các giá trị chi phối hành vi giao tiếp.

### 2.3.2. Đặc điểm về chức năng

Chức năng chính của *tiếng Anh giao tiếp* là làm phương tiện để diễn đạt nghĩa, ví dụ: diễn đạt sự biết ơn, hỏi đường, diễn đạt sự hiểu biết về một chủ đề nào đó v.v. Tuy nhiên, nghĩa thường được diễn đạt và diễn giải theo những cách khác nhau nên chức năng kép của *tiếng Anh giao tiếp* là để làm phương tiện trao đổi và thương lượng nghĩa nhằm đạt được một nghĩa chung hoặc mục đích giao tiếp nào đó. Ngoài ra, với chức năng như một ngoại ngữ, tiếng Anh còn được sử dụng nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp xã hội của các nhóm cộng đồng sử dụng khác nhau - thường đã sở hữu ngôn ngữ thứ nhất không phải là tiếng Anh. Với vai trò của một ngôn ngữ giao tiếp quốc tế, tiếng Anh vừa có các chức năng của ngôn ngữ thứ nhất vừa có các chức năng giao tiếp liên văn hóa, liên quốc gia.

### 2.3.3. Đặc điểm về phong cách và ngữ vực

Xét về phong cách, tiếng Anh trong giao tiếp có thể biến đổi từ phong cách lễ nghi, chính thức, thương lượng đàm phán đến tùy tiện hay thân mật nhằm đạt được mục đích giao tiếp của mình. Ngữ vực chịu sự chi phối của mối quan hệ giữa chủ đề, các vai và kênh giao tiếp. Cho nên, ngữ vực gắn với môi trường và nhu cầu sử dụng. Dựa vào các chủ đề thường xuyên được nói đến, bối cảnh ngữ hướng, các vai của người sử dụng, và kênh, tiếng Anh giao tiếp được phân thành nhiều kiểu loại khác nhau như tiếng Anh Tổng quát, tiếng Anh Học thuật, tiếng Anh Thương mại v.v. Phong cách và ngữ vực có mối quan hệ qua lại và tác động, chi phối lẫn nhau. Tùy vào kiểu loại tiếng Anh được xác định để giảng dạy, các quy ước về phong cách, và ngữ vực như từ vựng, ngữ pháp, thể loại ngôn bản sẽ được chọn lựa và thiết kế giảng dạy nhằm phục vụ cho mục đích của kiểu loại tiếng Anh đó.

### 2.3.4. Đặc điểm văn hoá - xã hội nơi ngôn ngữ được sử dụng

Muốn giao tiếp hiệu quả, những người tham gia phải xử lý hài hòa 8 thành tố chi phối hoạt động giao tiếp gồm: ngữ hướng, các thành viên tham gia, mục đích, chuỗi hành vi, cách diễn đạt, các phương tiện, chuẩn tương tác và chuẩn giải thích, thể loại. Các thành tố này phụ thuộc hoàn toàn vào bối cảnh, ngữ hướng xã hội nơi cuộc giao tiếp diễn ra, các bên tham gia sẽ thiết

lập vai giao tiếp xã hội của mình và đối tác giao tiếp, xác định mục đích của hành động nói, các quy tắc xã hội, thể loại ngôn bản để chọn lựa, sử dụng ngôn ngữ một cách phù hợp nhằm đạt hiệu quả cho mục đích của cuộc giao tiếp. Vì vậy, tiếng Anh giao tiếp luôn mang nét đặc trưng văn hóa - xã hội nơi nó được sử dụng.

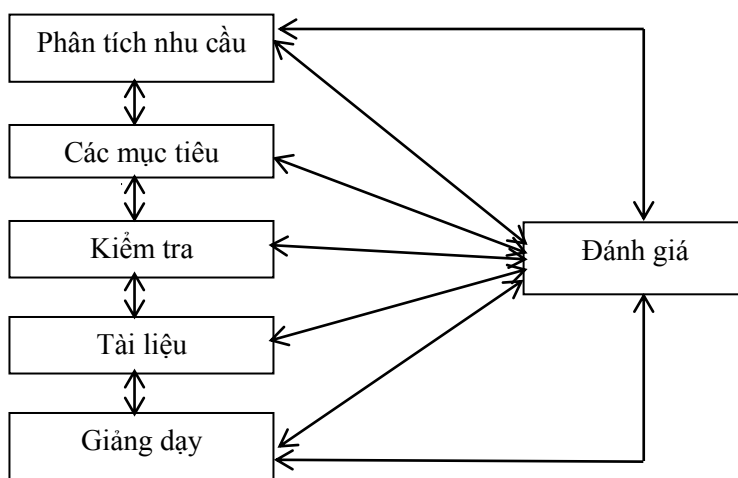
### 3. ĐƯỜNG HƯỚNG GIAO TIẾP TRONG DẠY – HỌC NGÔN NGỮ HAI

Việc ứng dụng dạy tiếng Anh theo đường hướng giao tiếp vào thực tiễn lớp học ngoại ngữ liên quan đến một chuỗi các hoạt động. Trong đó, các thuyết về thụ đắc ngôn ngữ hai hay ngoại ngữ phải được tính đến như một cầu nối để liên kết ý tưởng dạy NNGT vào hiện thực của các lớp học cụ thể. Xét về lý thuyết, việc học và thụ đắc tiếng Anh như một ngoại ngữ bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: độ tuổi, khả năng nhận thức (trí nhớ, năng khiếu, chiến lược học), ngôn ngữ đầu vào, các khía cạnh tình cảm (như động cơ học tập, sự lo lắng, nhớ nhà), mức độ tiếp (như khoá học tập trung hay không tập trung, số giờ tiếp xúc); nền tảng giáo dục. Thông thường, tiến trình thụ đắc ngoại ngữ cũng trải qua các giai đoạn phát triển nhất định, tương tự như tiến trình thụ đắc ngôn ngữ thứ nhất, do đó tiếng Anh Tổng quát đã được thiết kế theo từng mức trình độ. Ở mỗi mức trình độ, các kiến thức về ngữ năng giao tiếp và ngữ thi giao tiếp được xây dựng phù hợp với nhu cầu và năng lực của người sử dụng. Những kiến thức về ngữ năng giao tiếp đáp ứng các nhu cầu giao tiếp cấp thiết nhất, dễ nhớ, dễ sử dụng nhất cần được học trước. Lý thuyết về *tri nhớ làm việc* của Alan Bladdeley cho thấy tiến trình học (learning) và thụ đắc (acquiring) tiếng Anh là hai tiến trình đòi hỏi các hoạt động thực hành tương đối khác nhau. Trong tiến trình đầu, người học cần học để ghi nhớ các mẫu cấu trúc ngôn ngữ mới bằng tiến trình tiếp nhận hoặc sử dụng lặp đi lặp lại nhiều lần gắn với chuỗi liên kết nghĩa. Các kiến thức ngữ năng giao tiếp khác cũng được tiếp nhận và ghi nhớ theo kênh nghe hiểu và đọc hiểu. Tiến trình thứ hai đòi hỏi người học phải thường xuyên sử dụng tiếng Anh thông qua tiến trình giao tiếp với các tình huống thực hoặc không chuẩn bị trước. Điều này sẽ giúp người học có được phản xạ xử lý ngôn ngữ để sử dụng chúng một cách lưu loát và tự nhiên.

Quan điểm của đường hướng giao tiếp xác định mục đích của việc dạy – học là giúp người học sử dụng tiếng Anh để diễn đạt nghĩa một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với thể loại, với chủ đề, vai giao tiếp và chuẩn tương tác nhằm đạt được mục đích giao tiếp trong một bối cảnh, ngữ huống nhất định. Nó cũng xem ngôn ngữ như một sự giao tiếp, người học ngoại ngữ cần học để có khả năng tương tác và thương lượng nghĩa nhằm đi đến một nghĩa chung, một mục đích giao tiếp nào đó thỏa mãn các thành viên tham gia và thông qua đó việc thụ đắc ngôn ngữ sẽ được diễn ra. Ngoài ra, đường hướng giao tiếp còn được ứng dụng dựa trên lý thuyết của việc học và thụ đắc ngôn ngữ hai cũng như khái niệm *ngữ năng* và *ngữ thi giao tiếp*.

Xét từ góc độ của một giảng viên, các bước hiện thực hóa đường hướng dạy học này được tóm lược ở Hình 2. Trong mô hình này, phân tích nhu cầu để xác định mục tiêu chương trình học và kiểm tra,

đánh giá là các khâu chiếm vị trí quan trọng tiến trình dạy NNGT.



**Hình 2.** Mô hình các bước thiết kế chương trình học dựa trên đề xuất của JD Brown [2].

#### **4. ĐẶC ĐIỂM CỦA LỚP HỌC NGOẠI NGỮ THEO ĐƯỜNG HƯỚNG GIAO TIẾP**

Douglas Brown [3] đã tổng kết rằng dạy NNGT trong ngữ cảnh lớp học ngoại ngữ có bốn đặc điểm cơ bản tác động qua lại với nhau như sau:

- Mục đích của lớp học là tập trung vào phát triển các thành tố của ngữ năng giao tiếp mà không bị giới hạn bởi năng lực ngữ pháp hay năng lực ngôn ngữ.
- Việc thiết kế các kỹ thuật dạy - học ngôn ngữ phải hướng đến giúp người học sử dụng ngôn ngữ để đáp ứng các chức năng và mục đích giao tiếp thực tế.
- Hai yếu tố sự lưu loát và sự chính xác được xem là những nguyên tắc bổ sung cho nhau trong các kỹ thuật dạy - học. Đôi khi sự lưu loát quan trọng hơn sự chính xác nhằm giúp người học duy trì việc sử dụng ngôn ngữ một cách có mục đích.
- Trong lớp học giao tiếp, về cơ bản người học phải sử dụng được ngôn ngữ cả trong tiếp nhận và sản sinh ngôn ngữ ở các tình huống không dự đoán trước.

#### **5. NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG DẠY TIẾNG ANH GIAO TIẾP VIẾT VÀ GIẢNG DẠY THỰC NGHIỆM**

##### **5.1. Thực tiễn dạy - học tiếng Anh không chuyên tại Trường Đại học Quảng Bình**

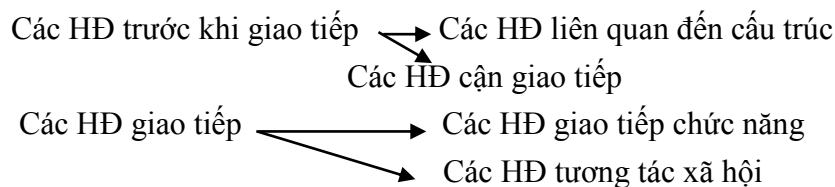
Kiểu tiếng Anh chính được giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Quảng Bình là tiếng Anh Tổng Quát. Năng lực tiếng Anh giao tiếp viết đầu vào của sinh viên cao, có đến 85% chưa đến trình độ A1. Vào thời điểm khảo sát được thực hiện, các vấn đề từ thiết kế chương trình, kiểm tra-đánh giá, sử dụng tài liệu và phương tiện dạy - học, các hoạt động dạy - học, chiến lược học của sinh viên đều chưa đảm bảo yêu cầu của việc dạy NNGT.

Trong đó, thời gian, thiết kế chương trình và kiểm tra đánh giá là những vấn đề lớn cản trở tính hiệu quả của việc dạy tiếng Anh theo đường hướng giao tiếp.

## 5.2. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp ứng dụng dạy tiếng Anh giao tiếp viết

Để ứng dụng dạy tiếng Anh viết theo đường hướng giao tiếp cho sinh viên học theo hệ thống tín chỉ, chúng tôi đã tiến hành khảo sát, *phân tích nhu cầu học tiếng anh giao tiếp viết* của sinh viên không chuyên ngữ Trường Đại học Quảng Bình. Kết quả cho thấy với năng lực tiếng Anh đầu vào tại thời điểm khảo sát được thực hiện và với 105 tiết học theo hệ thống tín chỉ, chuẩn đầu ra của sinh viên cũng chỉ có thể đạt ở mức trình độ A2. Trong đó, tác giả luận án đã nhận diện các mục tiêu và nội dung chương trình dạy viết cho sinh viên các lớp thực nghiệm như sau: ôn tập lại các trạng từ *first, second, then* và các liên từ *and, but, because*, với các lớp sinh viên có năng lực đầu vào khá hơn có thể giới thiệu thêm liên từ *so, however*; các thể loại ngôn bản được dạy gồm mẫu văn bản đơn giản (simple forms), ngôn bản chức năng ngắn (short functional texts) như lời chúc mừng trên một tấm thiệp, tin nhắn hay mẫu ghi chú; thư điện tử ở mức độ thân tình (informal e-mails); miêu tả; thể loại tiến trình như chỉ dẫn (instructions, directions); tường thuật chi tiết sự kiện (recounts); tường thuật thông tin (reports); kể chuyện (narratives).

Tác giả luận án đã đề xuất kiểu thiết kế chương trình dựa trên năng lực làm chủ đạo kết hợp với kiểu thiết kế chương trình dựa trên nhiệm vụ bằng cách chuyển một số mục tiêu thành nhiệm vụ cần dạy - học. Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện dựa trên các tiêu chí đã được Cyril Weir giới thiệu và các tiêu chí tổng thể được rút ra từ CEFR. Giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho việc dạy được biên soạn theo đường hướng giao tiếp ở mức trình độ từ A1 - A2 (tương đương với trình độ sơ cấp và sơ trung cấp). Giáo trình chính được sử dụng để giảng dạy là giáo trình English for Life và New English File, một số bài được bổ sung thêm ngữ vựng, một số bài được kết hợp hoặc biên soạn lại từ một số nội dung bị trùng lặp giữa các giáo trình cho phù hợp với nhu cầu người học và chương trình. Nội dung của một tiết học tập trung vào phát triển năng lực viết câu bao gồm các hoạt động (HĐ) chính như được miêu tả như ở Hình 3. Trong đó, các hoạt động trước giao tiếp viết giúp sinh viên thụ đắc các kiến thức NNGT cần thiết như từ vựng, ngữ pháp, dấu câu, các quy ước về phong cách, cấu trúc ngôn bản đích v.v. Những hoạt động này sẽ trợ giúp cho các hoạt động giao tiếp chức năng hay tương tác xã hội mang tính linh hoạt và sáng tạo được thực hiện sau đó.



**Hình 3.** Tiến trình dạy một bài học theo đường hướng giao tiếp của William Littlewood [dẫn theo 6].



Các hoạt động giao tiếp đòi hỏi sinh viên phải làm việc theo cặp, theo nhóm. Kiểu hoạt động này gồm hai loại: =hoạt động giao tiếp chức năng và hoạt động tương tác xã hội. Loại đầu dựa trên thực tiễn rằng con người thường giao tiếp để diễn đạt nghĩa hoặc để có được thông tin. Loại thứ hai liên quan đến các hoạt động tương tác xã hội đòi hỏi người học phải chú ý đến thể loại ngôn bản, bối cảnh ngữ huống, vai của các bên tham gia, mục đích giao tiếp, từ đó họ sẽ chọn lựa những kiến thức NNGT phù hợp để đạt mục tiêu giao tiếp.

Việc học từ vựng và ngữ pháp chính là việc học để nắm kiến thức về mã ngôn ngữ, nó liên quan đến cả 4 kênh giao tiếp nghe, nói, đọc và viết. Với số tiết hạn chế và đối tượng học là người lớn nên chúng tôi chủ yếu tập trung hướng dẫn sinh viên tự học. Vào đầu khóa học, ngoài ôn tập một số điểm ngữ pháp chúng tôi đã hướng dẫn sinh viên cách tự học từ vựng và ngữ pháp. Hàng tuần sinh viên được cung cấp trước một lượng từ vựng nhất định mà họ cần phải biết cách sử dụng để chuẩn bị cho phần phát triển ‘kỹ năng sử dụng’. Với nội dung ngữ pháp cũng tương tự như vậy, hầu hết các điểm ngữ pháp chính đã được học ở phổ thông nên giảng viên chỉ cung cấp tài liệu tham khảo để sinh viên tự học, tự nghiên cứu lại theo nhu cầu và theo hướng dẫn của giảng viên, ở trên lớp giảng viên chỉ tập trung vào việc thực hành sử dụng.

Vào đầu các buổi học đều có phần phát triển năng lực tiếng Anh viết, giảng viên dành khoảng 15 - 20 phút cho các hoạt động phát triển tốc độ, sự trôi chảy và viết chính tả. Các hoạt động ngoài lớp học như thực hành làm các bài tập được chọn lựa từ sách bài tập của sinh viên hoặc sách của giảng viên. Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách viết nhật ký đối thoại và làm thơ cinquain. Mỗi tuần ngoài các bài tập viết được giao về nhà, sinh viên sẽ được yêu cầu viết 3 đoạn văn ngắn (journals).

Ngoài các chiến lược học thông thường, giảng viên dạy lớp thực nghiệm hướng dẫn sinh viên sử dụng các “chiến lược siêu tri nhận” và “các chiến lược xã hội” nhằm giúp họ áp dụng hài hòa các kiến thức ngữ năng giao tiếp vào các hoạt động ngữ thi giao tiếp.

### **5.3. Kết quả giảng dạy thực nghiệm tiếng Anh II, tiếng Anh III và thảo luận**

Sau 15 tuần giảng dạy thực nghiệm các nhóm đề xuất ứng dụng trên, chúng tôi đã tiến hành kiểm tra đánh giá hiệu quả của việc giảng dạy. Kết quả mà chúng tôi thu được khá khả quan, trong bài kiểm tra tiếng Anh II, tất cả các phần được kiểm tra ở lớp thực nghiệm đều cao vượt trội so với lớp đối chứng, đặc biệt là tiếng Anh giao tiếp viết ở 2 lớp thực nghiệm. Ở bài kiểm tra tiếng Anh III, mức chênh lệch về trình độ tiếng Anh giao tiếp viết cũng như ngữ pháp giữa sinh viên các lớp thực nghiệm và các lớp đối chứng cao hơn giai đoạn I. So sánh năng lực tiếng Anh giao tiếp viết đầu vào của sinh viên với đầu ra của sinh viên có thể thấy, trong khi đầu vào có đến hơn 85% sinh viên chưa đạt A1 và có dưới 15% đạt A1, sau 15 tuần dạy - học theo chương trình thực nghiệm, có 74% sinh viên ở các lớp thực nghiệm đạt A2 chỉ 26% sinh viên

không đạt. Trong khi đó ở các lớp đối chứng chỉ có 19% sinh viên đạt A2 và có đến 81% sinh viên không đạt tiếng Anh giao tiếp viết.

Kết quả giảng dạy bước đầu cho thấy tính hiệu quả của việc dạy NNGT viết. Sau khi tiến hành thảo luận nhóm và phỏng vấn trực tiếp cho thấy các hoạt động viết phát triển sự trôi chảy có hiệu quả rất lớn đối sinh viên, đặc biệt viết chính tả, việc tự học và luyện viết thông qua các bài tập ở nhà cùng với mức độ tiếp xúc cao. Sinh viên thực sự thú vị với các hoạt động phát triển sự trôi chảy và làm thơ *cinquain* ở lớp.

## 6. KẾT LUẬN

Các kết quả nghiên cứu đã giúp tác giả luận án nhận dạng được 4 nhóm đặc điểm cơ bản của tiếng Anh giao tiếp, đó là nhóm các đặc điểm chính, nhóm đặc điểm liên quan đến chức năng, nhóm đặc điểm liên quan đến phong cách và ngữ vực, và nhóm đặc điểm về văn hóa-xã hội. Các nhóm đặc điểm này gắn liền với các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ của người học, người sử dụng. Qua đó đã giúp chúng ta nhận thấy ngôn ngữ trong giao tiếp là một hệ thống các tín hiệu đặc biệt với các quy ước về cách sử dụng mang tính đặc thù riêng của nó. Điều này đòi hỏi người học, người sử dụng tiếng Anh không phải chỉ sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác mà phải sử dụng nó một cách phù hợp, linh hoạt, sáng tạo, có chiến lược nhằm đạt các mục đích giao tiếp của mình.

Để ứng dụng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ theo đường hướng giao tiếp, ngoài việc phải dựa trên các đặc điểm của tiếng Anh dưới quan điểm chức năng giao tiếp, chúng ta phải tính đến yếu tố quan trọng nhất đó là các vấn đề lý thuyết về tiến trình thụ đắc ngoại ngữ của con người, đặc biệt là lý thuyết về *Trí nhớ làm việc* của Alan Bladdeley. Các nghiên cứu cho thấy tiến trình thụ đắc ngoại ngữ phải trải qua các giai đoạn phát triển nhất định, do đó tiếng Anh Tổng quát đã được thiết kế theo từng mức trình độ. Ở mỗi mức trình độ, các kiến thức về ngữ năng giao tiếp và ngữ thi giao tiếp được xây dựng phù hợp với nhu cầu và năng lực của người sử dụng. Trong đó tiến trình học (learning) và thụ đắc (acquiring) tiếng Anh được xem là hai tiến trình khác nhau. Việc học giống như giai đoạn nhập mã, sinh viên cần thực hành các bài tập mang tính máy móc bằng việc thực hành, sử dụng lặp đi lặp lại các mẫu câu trúc hoặc ngôn ngữ mới qua các kênh giao tiếp kết hợp với việc hiểu nghĩa của các cấu trúc đó. Việc thụ đắc tiếng Anh đòi hỏi người học phải suy luận và xử lý các kiến thức về ngữ năng giao tiếp nhanh, linh hoạt, sáng tạo và chính xác phù hợp với các yêu cầu trong hoạt động giao tiếp thực tiễn đa dạng và phức tạp. Người học không chỉ học để phát triển về sự chính xác mà còn phát triển cả tốc độ và sự trôi chảy.

Tương tự tiến trình phát triển các kênh giao tiếp khác, tiến trình phát triển tiếng Anh giao tiếp viết thuộc hệ thống ngôn ngữ dựa trên âm thanh và bị chi phối bởi đầu óc của chúng ta nên nó cũng đòi hỏi người học phải thực hành cả *các hoạt động trước giao tiếp* và *các hoạt động*

*giao tiếp*. Người học cần học để luyện nhớ các kiến thức NNGT viết như từ vựng, ngữ pháp, các hình thức liên kết câu, liên kết đoạn, viết chính tả, dấu câu, các quy ước về thể loại, phong cách, ngữ cảnh xã hội, vai giao tiếp, các chiến lược bằng ngôn ngữ và phi lời. Đồng thời, người học cũng cần thường xuyên thực hành *các hoạt động giao tiếp viết* ở nhiều thể loại khác nhau. Thông qua các tiến trình như vậy, người học sẽ có khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt, sáng tạo nhằm diễn đạt nghĩa, thương lượng nghĩa nhằm đạt mục đích giao tiếp của mình. Trước khi viết, sinh viên cần hướng tới trả lời các câu hỏi ‘Viết cho ai? Viết vì mục đích gì?’, ‘Ngữ huống giao tiếp như thế nào?’, ‘Các quy ước về thể loại ra sao?’, ‘Vai giao tiếp của mình và vai giao tiếp của độc giả là gì?’, ‘Cần áp dụng chiến lược gì để đạt mục đích giao tiếp?’.

Việc thực nghiệm các nhóm đề xuất ứng dụng dạy tiếng Anh giao tiếp cho sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Quảng Bình bước đầu cho thấy tính khả thi và tính hiệu quả cao của việc ứng dụng dạy NNGT, đặc biệt là tiếng Anh giao tiếp viết. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị Trường Đại học Quảng Bình áp dụng các nhóm giải pháp đã qua thực nghiệm vào giảng dạy tiếng Anh nhằm nâng cao hiệu quả của việc đào tạo tiếng Anh không chuyên. Việc ứng dụng cần phải được thực hiện trong tất cả các khâu từ thiết kế chương trình, đánh giá, phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy - học, chiến lược học cần phải được nghiên cứu ứng dụng để đảm bảo các nguyên tắc và đường hướng trong dạy NNGT. Các bài kiểm tra nên được thiết kế sao cho đánh giá đủ cả 4 kênh giao tiếp nghe, nói, đọc, viết, vì điều này sẽ giúp sinh viên có định hướng chiến lược cho việc học để đạt được ngữ thi giao tiếp tốt hơn. Số tiết giảng dạy tiếng Anh trong một tuần không nên dưới 5 tiết bởi vì nếu số tiết quá ít cơ hội để tương tác, tiếp xúc tiếng Anh ít. Điều này sẽ hạn chế việc phát triển trí nhớ, sự trôi chảy và tự tin trong giao tiếp của sinh viên và như vậy kết quả học tập của họ sẽ không cao.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Baddley A.D. (2000), *The episodic buffer: a new component of working memory*, *Trends in cognitive Sciences*, Vol 4- No 11, Esvier
- [2] Brown JD.(1995), *The Elements of Language Curriculum: A Systematic Approach to Program Development*, Boston: Heinle&Heinle Publishers.
- [3] Brown H. Douglas (2000), *Principles of Language Learning and Teaching*, San Francisco State University.
- [4] Hymes D. (1972), *Models of the interaction of language and social life*, In J. Gumperz & D. Hymes (Eds.), *Directions in sociolinguistics: The ethnography of communication* (pp.35-71), New York: Holt, Rhinehart & Winston.
- [5] Richards Jack C. và Rodgers T.S (2001), *Approaches and Methods in Language Teaching*, Cambridge University Press.
- [6] Richards Jack C. (2006), *Communication Language Teaching Today*, Cambridge University Press.

- [7] Steiberg Sheila L. (2007). *An Introduction to Communication Studies*. South Africa: Juta and Company Ltd.
- [8] Weir Cyril J. (1990), *Communicative Language Testing*, Prentice Hall International.

